ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2204/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 22 tháng 06 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha) phục vụ thi công Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, Phường Trần Quang Diệu và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu vực 10, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn tại mỏ QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn của Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Hoàng Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1993/STNMT-CCBVMT ngày 17/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha) tại mỏ QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn của Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Hoàng Minh;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha) phục vụ thi công Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, Phường Trần Quang Diệu và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu vực 10, phường Hải Cảng, thành phố Quy tại mỏ QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 52/2024/CV ngày 19/6/2024 của Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Hoàng Minh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 720/TTr-STNMT ngày 21/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha) phục vụ thi công Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, Phường Trần Quang Diệu và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu vực 10, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Hoàng Minh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Chủ dự án:
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND Phường Bùi Thị Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 2,5 HA) PHỤC VỤ THI CÔNG DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ KHU VỰC 1, PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU VÀ DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU VỰC 10, PHƯỜNG HẢI CẢNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN TẠI MỎ QN03, PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN CỦA CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG HOÀNG MINH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha) phục vụ thi công Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, Phường Trần Quang Diệu và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu vực 10, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: tại mỏ QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Hoàng Minh.

- Địa chỉ liên hệ: số 01 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0933.466677.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 2,5 ha.

- Trữ lượng và công suất khai thác: 142.504 m^3 đất địa chất tương ứng 186.822 m^3 đất nguyên khai (với hệ số nở rời đất san lấp là 1,311 theo Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản của dự án), trong đó:

+ Khối lượng phục vụ thi công Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, Phường Trần Quang Diệu: 94.215 m^3 đất địa chất.

+ Khối lượng phục vụ thi công Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu vực 10, phường Hải Cảng: 48.289 m^3 đất địa chất.

- Thời hạn khai thác: 8 tháng (từ tháng 8/2024 đến tháng 03/2025), khai thác theo tiến độ thi công san lấp dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, Phường Trần Quang Diệu và dự án Hạ tầng kỹ thuật khu vực 10, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác: Vị trí mở mỏ khai thác đầu tiên tại cao độ cos +80m phía Tây khai trường (gần điểm góc số 1) theo hướng khai thác từ trên xuống dưới; thực hiện phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) theo trình tự cuốn chiếu sau khi kết thúc khai thác. Chiều sâu huy động thiết kế 7,38 m (trong đó, chiều sâu huy động khai thác trung bình 6,78 m, chiều sâu lớp đất để lại trồng cây, phục hồi môi trường 0,6 m). Kết thúc khai thác, địa hình thoải từ hướng Tây Nam sang Đông Bắc, cao độ kết thúc khai thác thấp nhất +51m. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m^3) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống mương thu gom nước mưa xung quanh khu vực khai thác có tổng chiều dài 492,97 m, hai bên tuyến đường có tổng chiều dài 482,64 m; 03 hố giảm tốc (phía Đông Bắc, Đông Nam và Bắc mỏ).

- Tuyến đường giao thông:

+ Tuyến đường ngoài mỏ: Công ty sử dụng các tuyến đường hiện trạng có sẵn, không mở mới. Trường hợp hư hỏng hoặc có cải tạo, nâng cấp tuyến đường để phục vụ hoạt động vận chuyển, Công ty phải làm việc với đơn vị quản lý tuyến đường và thực hiện hoàn trả theo yêu cầu của đơn vị quản lý tuyến đường.

+ Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 241,32 m.

- Khu vực phụ trợ có diện tích khoảng 600 m^2 tại biên giới phía Đông Nam mỏ (trong phạm vi dự án): bố trí lán trại tạm (có bố trí thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại), nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ với diện tích 2,5 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,76 m^3/ngày, có hàm lượng ô

nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 3.400 m^3/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn khoảng 3,0 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, Phường Trần Quang Diệu và dự án Hạ tầng kỹ thuật khu vực 10, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,…) phát sinh khoảng 13,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 03 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến các công trình trong khu vực như: diện tích trồng rừng ở phía Đông, Bắc mỏ; nguy cơ sa bồi suối cạn chạy qua mỏ, suối Dứa phía Bắc mỏ, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,…

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ; định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 492,97 m (kích thước: đáy lớn 1,9m x đáy bé 1,5m x sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường có chiều dài 482,64 m (kích thước: đáy lớn 1,2m x đáy bé 0,4m x sâu 0,5m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Bắc (tọa độ 1.518.409; 598.983), thể tích khoảng 180 m^3 (diện tích 60 m^2, sâu 3 m); hố giảm tốc số 2 phía Đông Bắc (tọa độ: 1.518. 404; 598.045), thể tích khoảng 123 m^3 (diện tích 41 m^2, sâu 3 m); hố giảm tốc số 3 phía Đông Nam (tọa độ: 1.518.297; 598.057), thể tích khoảng 123 m^3 (diện tích 41 m^2, sâu 3 m).

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ (dọc theo ranh giới dự án ở phía Tây và Tây Bắc) → hố giảm tốc số 01 phía Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Tây Bắc mỏ → suối Dứa.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Bắc và 1 phần phía Đông Nam mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ (dọc theo ranh giới dự án ở phía Đông Bắc) → hố giảm tốc số 02 phía Đông Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ → suối Dứa.

+ Nước mưa chảy tràn 1 phần phía Đông Nam mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ (dọc theo ranh giới dự án ở phía Đông Nam) → hố giảm tốc số 03 phía Đông Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ → suối Dứa.

+ Nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ → cống qua đường → hố giảm tốc số 02 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ → suối Dứa.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển từ khu vực mỏ đến công trình(tại các vị trí qua khu dân cư, các công trình xây dựng,…) và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện san gạt theo trình tự cuốn chiếu và trồng cây, cải tạo phục hồi môi trường trên toàn bộ diện tích 2,5 ha khi kết thúc dự án. Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	**Khu vực mỏ**				
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	4	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m^3	15.000	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Đông Bắc thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Triển khai trong quá trình khai thác và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
3.	Vệ sinh, cải tạo tuyến đường vận chuyển	m^3	4.093	Trả lại hiện trạng	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
4.	San lấp mương thoát nước và hố giảm tốc	m^3	1.608,5	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m^2	40		
6.	Tháo dỡ cống tròn qua đường giao thông trong mỏ	Tấn	4,8		Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
7.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	2,5	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác
8.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	2,5	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **391.792.000 đồng** *(Ba trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).*

- Số lần ký quỹ: 01 lần; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bốc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dừng xung quanh khu vực mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc, mương thoát nước mưa trong khu vực dự án và thực hiện gia cố, nắn dòng chảy các suối cạn trong khu vực, giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến khu vực khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.